

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1546 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 02/MT-HB-23 ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 04MT/2023HB ngày 26 tháng 6 năm 2023 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm cao su và nhựa EVA Hong Bao tại Lô 42-3-2-b, 42-4-2, đường số N16, khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh của Công ty TNHH cao su và nhựa Hong Bao;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4738.../TTr-STNMT ngày 15 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH cao su và nhựa Hong Bao địa chỉ tại lô 42-3-2-b, 42-4-2, đường số N16, khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm cao su và nhựa EVA Hong Bao tại lô 42-3-2-b, 42-4-2, đường số N16, khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất sản phẩm cao su và nhựa EVA Hong Bao.

1.2. Địa điểm hoạt động: lô 42-3-2-b, 42-4-2, đường số N16, khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 7676150893 ngày 31/12/2021; Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên với mã số doanh nghiệp 3901264187 ngày 17/05/2022.

1.4. Mã số thuế: 3901264187.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm phụ kiện, phụ liệu giày dép từ hạt nhựa eva (để giày).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích dự án: 30.009,1 m².

- Quy mô, công suất: sản xuất sản phẩm phụ kiện, phụ liệu giày dép từ hạt nhựa eva (để giày), quy mô 900 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH cao su và nhựa Hong Bao được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH cao su và nhựa Hong Bao có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất cao su và nhựa eva Hong Bao của Công ty TNHH cao su và nhựa Hong Bao hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- BQLKKT;
- UBND huyện Gò Dầu;
- Công ty CP đầu tư Sài Gòn VRG;
- Công ty TNHH cao su và nhựa Hong Bao;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

W

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG THỰC HIỆN YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 154/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại và bể tách dầu mỡ đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phước Đông).

- Đã có thỏa thuận đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Phước Đông theo các văn bản đã ký giữa Chủ đầu tư và đơn vị kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp bao gồm: Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật số 39/CV-SVI ngày 08/01/2019; Hợp đồng xử lý nước thải số 224/2020/HĐ-SVI ngày 24/05/2020.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

Nước thải sinh hoạt: tại các nhà xưởng, văn phòng được thu gom về bể tự hoại để xử lý sơ bộ; nước thải từ nhà bếp nấu ăn được thu gom vào bể tách dầu mỡ để xử lý; lưu lượng phát sinh khoảng 25,3 m³/ngày.đêm được thu gom về 9 bể tự hoại có thể tích 19,5 m³/bể và 01 bể tách dầu mỡ có thể tích 4,5 m³. Nước thải sau xử lý sơ bộ đạt yêu cầu đầu nối của khu công nghiệp Phước Đông được dẫn vào hố ga thu gom nước thải trong khuôn viên Dự án, sau đó dẫn ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Phước Đông bằng đường ống nhựa HDPE Ø300.

Nước thải sản xuất bao gồm: nước thải từ quá trình giặt giày lưu lượng 1,5 m³/ngày, nước thải từ vệ sinh nhà xưởng lưu lượng 0,5 m³/ngày và nước giải nhiệt (sử dụng tuần hoàn) được thu gom bằng đường ống PVC Ø42, được xử lý sơ bộ bằng bể lắng đứng có thể tích 0,8 m³ (bể lắng đứng xử lý theo mẻ có góc nghiêng 40 độ, các hạt cặn lơ lửng trong nước thải sẽ theo góc nghiêng và trọng lực rơi xuống đáy, định kỳ 1- 3 tháng xả cặn đáy một lần và thu gom dưới dạng chất thải rắn thông thường), nước thải sau khi xử lý sơ bộ đạt yêu cầu đầu nối của khu công nghiệp Phước Đông dẫn vào hố ga thu gom nước thải chung trong khuôn viên Dự án, sau đó dẫn ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Phước Đông.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt → bể tự hoại → hố ga thu gom nước thải trong khuôn viên Dự án. *Ng*

- Nước thải nhà bếp nấu ăn → bể tách dầu mỡ → hồ ga thu gom nước thải trong khuôn viên Dự án.

- Nước thải sản xuất → bể lắng sơ bộ → hồ ga thu gom nước thải trong khuôn viên Dự án.

→ Toàn bộ nước thải sinh hoạt và sản xuất phát sinh từ Dự án đều được xử lý sơ bộ đạt yêu cầu đầu nối của khu công nghiệp Phước Đông và được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Phước Đông theo hợp đồng xử lý nước thải số 224/2020/HĐ-SVI ngày 24/5/2020.

- Hóa chất sử dụng: không có.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị và bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép đầu nối, tiếp nhận của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Phước Đông, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Dự án.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Phước Đông. *ly*

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...1546.../GPMT-UBND
ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: bụi phát sinh từ khu vực máy trộn liệu tại dây chuyền tạo hạt.
- Nguồn số 02: bụi phát sinh từ công đoạn mài để máy 1.
- Nguồn số 03: bụi phát sinh từ công đoạn mài để máy 2.
- Nguồn số 04: bụi phát sinh từ công đoạn mài để máy 3.
- Nguồn số 05: khí thải (hơi dung môi) phát sinh từ công đoạn dán keo và sấy hồng ngoại.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Dòng khí thải:**

Dòng khí thải số 01: tương ứng với dòng khí chứa bụi thu gom từ nguồn số 01 về 1 thiết bị thu hồi bụi bằng túi vải, bụi bị giữ lại bên trong túi vải, không khí sạch thoát trực tiếp ra ngoài môi trường không khí.

Dòng khí thải số 02: tương ứng với dòng khí chứa bụi thu gom từ nguồn số 02 về túi vải thu hồi bụi, bụi bị giữ lại bên trong túi vải, không khí sạch thoát trực tiếp ra ngoài môi trường không khí.

Dòng khí thải số 03: tương ứng với dòng khí chứa bụi thu gom từ nguồn số 03 về túi vải thu hồi bụi, bụi bị giữ lại bên trong túi vải, không khí sạch thoát trực tiếp ra ngoài môi trường không khí.

Dòng khí thải số 04: tương ứng với dòng khí chứa bụi thu gom từ nguồn số 04 về túi vải thu hồi bụi, bụi bị giữ lại bên trong túi vải, không khí sạch thoát trực tiếp ra ngoài môi trường không khí.

Dòng khí thải số 05: tương ứng với dòng khí thải thu gom từ nguồn số 05 về 1 thiết bị xử lý khí thải là tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ sử dụng dung dịch NaOH và than hoạt tính, không khí sạch sau khi qua hệ thống xử lý khí thải được thoát ra môi trường qua 01 ống thoát khí.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí 01 (dòng khí thải số 01): xả trực tiếp ra môi trường không khí bên trong nhà xưởng. Tọa độ vị trí xả như sau: X= 1231697,32; Y= 590266,15.

- Vị trí 02 (dòng khí thải số 02): xả trực tiếp ra môi trường không khí bên trong nhà xưởng. Tọa độ vị trí xả như sau: X= 1231698,74; Y= 590268,48.

- Vị trí 03 (dòng khí thải số 03): xả trực tiếp ra môi trường không khí bên trong nhà xưởng. Tọa độ vị trí xả như sau: X= 1231698,69; Y= 590268,45.

- Vị trí 04 (dòng khí thải số 04): xả trực tiếp ra môi trường không khí bên trong nhà xưởng. Tọa độ vị trí xả như sau: X= 1231698,72; Y= 590268,42.

- Vị trí 05 (dòng khí thải số 05): tại 01 ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải (dòng khí thải số 05). Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X= 1231696,21; Y= 590267,32.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

- Vị trí xả bụi, khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH cao su và nhựa Hong Bao tại lô 42-3-2-b, 42-4-2, đường số N16, khu công nghiệp Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 01: lưu lượng xả bụi lớn nhất $12.000 \text{ m}^3/\text{h}$;
- Nguồn số 02: lưu lượng xả bụi lớn nhất $2.500 \text{ m}^3/\text{h}$;
- Nguồn số 03: lưu lượng xả bụi lớn nhất $2.500 \text{ m}^3/\text{h}$;
- Nguồn số 04: lưu lượng xả bụi lớn nhất $2.500 \text{ m}^3/\text{h}$;
- Nguồn số 05: lưu lượng xả khí thải lớn nhất $24.800 \text{ m}^3/\text{h}$.

2.3.1. Phương thức xả khí thải:

Dòng khí thải số 01 đến 04: khí sạch sau khi được thu hồi bụi xả trực tiếp ra môi trường, xả liên tục khi hoạt động.

Dòng khí thải số 05: khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục khi hoạt động.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Đối với dòng khí thải số 01 đến 04: đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1$.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi	mg/Nm^3	160	Không áp dụng (bụi được xử lý qua thiết bị túi vải thu hồi bụi, không khí sạch xả ra môi trường)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

- Đối với dòng khí thải số 05: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN

20:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	mg/Nm ³	$20.000 < P \leq 100.000$	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Etyl Acetate	mg/Nm ³	1.400		
3	Cyclohexan	mg/Nm ³	1.300		
4	Metylacrylat	mg/Nm ³	35		
5	Tetrahydrofuran	mg/Nm ³	590		
6	Methylcyclohexane	mg/Nm ³	2.000		
7	Hexane	mg/Nm ³	450		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: lắp đặt thiết bị thu hồi bụi bằng túi vải cho nguồn số 01 theo phương án không khí sạch sau khi thu hồi bụi đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số $K_p = 0,9$, $K_v = 1,0$ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Dưới tác dụng của quạt hút gắn tại thiết bị thu hồi bụi từ máy trộn liệu, bụi phát sinh được dẫn vào thiết bị có gắn các túi vải bên trong, tại đây bụi sẽ tích tụ trên mặt ngoài của túi vải còn không khí đi qua lớp vải lọc vào buồng khí sạch ở đỉnh thiết bị và thoát trực tiếp ra môi trường không khí.

- Nguồn số 02: lắp đặt túi vải trực tiếp thu hồi bụi cho nguồn số 02 theo phương án bụi được giữ lại bên trong túi vải, không khí sạch đi qua lớp vải thoát trực tiếp ra môi trường không khí đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, với hệ số $K_p = 0,9$, $K_v = 1,0$.

- Nguồn số 03: lắp đặt túi vải trực tiếp thu hồi bụi cho nguồn số 03 theo phương án bụi được giữ lại bên trong túi vải, không khí sạch đi qua lớp vải thoát trực tiếp ra môi trường không khí đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, với hệ số $K_p = 0,9$, $K_v = 1,0$.

- Nguồn số 04: lắp đặt túi vải trực tiếp thu hồi bụi cho nguồn số 04 theo phương án bụi được giữ lại bên trong túi vải, không khí sạch đi qua lớp vải thoát trực tiếp ra môi trường không khí đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, với hệ số $K_p = 0,9$, $K_v = 1,0$.

- Nguồn số 05: lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải là tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ sử dụng dung dịch hấp thụ là kiềm (nồng độ NaOH 5-10%) và vật liệu hấp phụ than hoạt tính cho nguồn số 05 theo phương án khí thải sau xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi thoát ra 01 ống thoát khí cao 8 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Thiết bị xử lý bụi khu vực máy trộn liệu:

- Hai máy trộn liệu lắp đặt ống hút thu gom bụi dẫn về 01 thiết bị xử lý bụi túi vải để thu hồi bụi.

- Quy trình công nghệ xử lý: không khí chứa bụi → ống hút → quạt hút → thiết bị thu hồi bụi túi vải → xả trực tiếp ra môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

1.2.2. Thiết bị xử lý bụi tại công đoạn mài:

- Dự án có ba máy mài, mỗi máy mài lắp đặt ống hút thu gom bụi dẫn về túi vải lọc bụi để thu hồi bụi.

- Quy trình công nghệ: không khí chứa bụi → ống hút → quạt hút → túi vải lọc bụi → xả trực tiếp ra môi trường không khí.

- Công suất thiết kế: máy mài 1: 2.500 m³/giờ; máy mài 2: 2.500 m³/giờ; máy mài 3: 2.500 m³/giờ;

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn dán keo và sấy hồng ngoại:

- Tại công đoạn dán keo và sấy hồng ngoại chia làm 03 chuyên thu gom hơi khí phát sinh dẫn về 01 hệ thống xử lý khí thải là tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ sử dụng dung dịch hấp thụ là kiềm (nồng độ NaOH 5-10%) và vật liệu hấp phụ than hoạt tính để xử lý.

- Quy trình công nghệ: khí thải tại công đoạn dán keo và sấy hồng ngoại → chụp hút → ống dẫn khí → quạt hút → thiết bị tháp hấp thụ kết hợp hấp phụ (dung dịch hấp thụ là kiềm (nồng độ NaOH 5-10%) và vật liệu hấp phụ than hoạt tính) → ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 24.800 m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng: dung dịch NaOH 5-10% và than hoạt tính.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Ba (03) tháng kể từ ngày đưa hệ thống vào vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải công đoạn dán keo và sấy hồng ngoại, công suất 24.800 m³/giờ;

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: *Ag*

- Thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

- Một (01) vị trí tại 01 ống thải sau hệ thống xử lý khí thải công đoạn dán keo và sấy hồng ngoại;

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường quy định tại Mục 2.3.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn vận hành ổn định: ít nhất là 01 ngày/lần (do đặc, lấy và phân tích mẫu đơn hoặc mẫu được lấy bằng thiết bị lấy mẫu liên tục trước khi xả, thải ra ngoài môi trường) trong ít nhất 03 ngày liên tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.2 của Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Trong thời hạn 10 ngày sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm, Công ty phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh theo quy định.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.6. Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1546/GPMT-UBND
ngày 22 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc khu vực sản xuất xưởng 2 (máy trộn, máy tạo hạt, máy đồ dế).
- Nguồn số 2: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy mài tại khu vực sản xuất, kho 1.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Vị trí số 1 (tương ứng nguồn số 1): $X = 1231927,15$; $Y = 590417,71$;
- Vị trí số 2 (tương ứng nguồn số 2): $X = 1231831,14$; $Y = 590502,47$;
(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: bố trí các máy móc hợp lý; các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất được bảo trì bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất. *ly*

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. *ly*

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1546/GPMT-UBND
ngày 22 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	18	Rắn	NII
2	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	6	Rắn	NII
3	Hộp mực in thải	08 02 04	4	Rắn	KS
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	370	Rắn	KS
5	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	150	Rắn	KS
6	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	80	Rắn	KS
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	8	Lỏng	NII
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau dính dầu, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	280	Rắn	KS
TỔNG CỘNG			916		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã CT	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Giấy và bao bì giấy cartông thải bỏ ^(TT-R)	18 01 05	1.350	Rắn
2	Nhựa	03 02 12	3.690	Rắn
3	Sắt phế liệu	12 08 05	1.200	Rắn
4	Túi vải lọc	18 02 02	1.062	Rắn
5	Sản phẩm lỗi	03 02 12	90.000	Rắn
TỔNG CỘNG			97.302	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	34,9

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải nguy hại, diện tích 44 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Phương án xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tất cả chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ — CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT — BN/MT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Một (01) kho lưu chứa chất thải thông thường, diện tích 397,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo: kho lưu chứa có tường gạch bao quanh, mái tôn, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2.3. Phương án xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tất cả chất thải rắn thông thường phát sinh theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: diện tích: 44 m²; thiết kế, kết cấu nền xi măng, tường cao 5 m, mái tôn.

- Phương án xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý tất cả chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ vào chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT – BNTMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thiết kế kho chứa hóa chất phải đảm bảo theo đúng quy định tại nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và các yêu cầu về kho chứa hóa chất quy định QCVN 05:2020/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy tại

các khu vực chứa hóa chất, khu vực chứa nguyên liệu, khu vực xưởng sản xuất, đảm bảo chất lượng và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy. Đồng thời, trình phương án phòng cháy chữa cháy của dự án đến cơ quan chức năng để được xem xét và phê duyệt.

- Các phương tiện phòng chống cháy luôn được kiểm tra thường xuyên và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng.

- Xây dựng các chương trình huấn luyện, tập huấn cho công nhân viên những kiến thức về an toàn lao động, công tác cứu hộ, sơ tán khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. *ly*

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1546/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Công ty đã xây dựng các hạng mục công trình phục vụ sản xuất và yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 07/06/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm cao su và nhựa EVA Ilong Bao. Đối với dây chuyền sản xuất phụ kiện từ cao su, cao su tổng hợp (miếng lót giày) với quy mô 400 tấn/năm, Công ty sẽ thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định khi triển khai hoạt động sản xuất.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải:

- Nước thải sản xuất (vệ sinh nhà xưởng, nước giặt giày) được xử lý bằng bể lắng sơ bộ và nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại, bể tách dầu mỡ đạt yêu cầu tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Phước Đông, sau đó dẫn nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung số 4 của Khu công nghiệp Phước Đông. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải, phát sinh từ hoạt động sản xuất của Dự án đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy

định tại Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT – BNMTMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên. / *ly*